

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN

Dự án thành phần 5: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đoạn qua tỉnh Bình Phước thuộc dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước), đoạn qua phường Đồng Xoài (điều chỉnh Quyết định số 1617/QĐ-UBND ngày 18/12/2025 - đợt 6)

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/5/2026 của UBND phường Đồng Xoài)

I. Nội dung trước khi điều chỉnh

STT	Mã số phương án chi tiết	Họ và tên	Thông tin thửa đất thu hồi (theo bản đồ GPMB)			Đất được bồi thường				Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm			Kinh phí bồi thường, hỗ trợ (đồng)							Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (đồng)	Ghi chú							
			Số tờ	Số thửa	Tổng diện tích thu hồi (m ²)	Đất ở tại đô thị		Đất trồng cây lâu năm		Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Đất ở tại đô thị	Đất trồng cây lâu năm	Nhà, nhà ở, công trình xây dựng	Vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất	Cây trồng, vật nuôi	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Hỗ trợ ổn định đời sống			Thường bản giao mặt bằng trước thời hạn	Bồi thường chi phí di chuyển					
						Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng)	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng)																			
1	069/PAC T-CTGN-CT	Hồ ông Trần Quang Hậu	13	120	223,3	-	-	223,3	200.000	223,3	200.000	150	-	44.660.000	-	-	7.888.920	66.990.000	3.600.000	12.000.000	-	-	-	-	-	-	135.138.920	
2	072/PAC T-CTGN-CT	Ông Vũ Trung Kiên	13	100	683,1	-	-	683,1	210.000	683,1	210.000		-	143.451.000	-	-	627.924	-	720.000	12.000.000	-	-	-	-	-	-	156.798.924	
3	074/PAC T-CTGN-CT	Bà Bùi Thị Tý	12	243	718,5	-	-	718,5	210.000	718,5	210.000		-	150.885.000	-	-	24.273.600	-	720.000	12.000.000	-	-	-	-	-	-	187.878.600	
4	078/PAC T-CTGN-CT	Ông Lê Văn Hà	12	247	2536,9	-	-	2536,9	210.000	2536,9	210.000		-	532.749.000	34.704.016	313.223.044	-	720.000	20.000.000	-	-	-	-	-	-	901.396.060		
5	103/PAC T-CTGN-CT	Hồ ông Dương Văn Vi	13	114	4190,4	-	-	4190,4	200.000	4190,4	200.000	150	-	838.080.000	-	-	84.955.793	1.257.120.000	-	-	-	-	-	-	-	-	2.180.155.793	
6	210/PAC T-CTGN-CT	Hồ bà Lưu Thị Tốt	13	106	1115,3	-	-	1115,3	387.000	1115,3	387.000		-	431.621.100	512.077.228	67.917.880	24.825.542	-	6.480.000	20.000.000	-	-	-	-	-	-	1.062.921.750	
7	214/PAC T-CTGN-CT	Ông Trần Văn Phúc	12	254	10984,7	-	-	10984,7	210.000	10891,464	210.000	150	-	2.306.787.000	131.624.023	82.029.812	621.560.545	3.430.811.003	720.000	20.000.000	-	-	-	-	-	-	6.593.532.383	
8	236/PAC T-CTGN-CT	Hồ bà Kiều Thị Mùi	13	113	8.273	-	-	8.273	210.000	8.273	210.000	150	-	1.737.330.000	-	-	202.979.827	2.605.995.000	8.640.000	20.000.000	-	-	-	-	-	-	4.574.944.827	
9	239/PAC T-CTGN-CT	Hồ ông Vũ Văn Phú	33	80	1095,4	270	3.184.000	695,4	387.000				1.066.640.000	269.119.800	923.297.757	165.446.525	51.645.506	-	80.640.000	20.000.000	10.000.000	-	-	-	-	2.586.789.588		
10	446/PAC T-CTGN-CT	Ông Nguyễn Đình Lễ	13	101	19963,5	-	-	19963,5	0				-	-	-	-	627.714.100	-	-	-	-	-	-	-	-	627.714.100		
11	663/PAC T-CTGN-CT	Ông Nguyễn Văn Tư	33	114	447,	60	3.184.000	387	387.000				191.040.000	149.769.000	-	-	-	-	2.880.000	16.000.000	-	-	-	-	-	359.689.000		
12	799/PAC T-CTGN-CT	Hồ ông Bùi Xuân Lợi và bà: Bùi Thị Hằng	12	253	1700,6	100	1.194.000	1600,6	210.000	1600,6	210.000	150	119.400.000	336.126.000	-	2.585.664	30.192.695	504.189.000	2.160.000	20.000.000	-	-	-	-	-	1.014.653.359		
13	812/PAC T-CTGN-CT	Ông Trần Quang Trí	12	445	243,4	-	-	243,4	210.000				-	51.114.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	51.114.000	
14	814/PAC T-CTGN-CT	Ông Trần Quang Trí	12	447	219,	-	-	219	210.000				-	45.990.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	45.990.000	
15	815/PAC T-CTGN-CT	Ông Trần Quang Trí	12	448	210,4	-	-	210,4	210.000				-	44.184.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	44.184.000	
16	821/PAC T-CTGN-CT	Ông Trần Quang Trí	12	454	0,9	-	-	0,9	210.000				-	189.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	189.000	
17	826/PAC T-CTGN-CT	Ông Hồ Trọng Nghĩa	33	113	72,9	42,97	3.184.000	29,93	210.000				136.816.480	6.285.300	-	-	-	-	720.000	12.000.000	-	-	-	-	-	155.821.780		
18	827/PAC T-CTGN-CT	Ông Đoàn Minh Thuận	33	115	2539,6	-	-	2539,6	387.000				-	982.825.200	-	-	-	-	720.000	20.000.000	-	-	-	-	-	1.003.545.200		

14	814/PAC T-CTGN- CT	Ông Trần Quang Trí	12	447	219,	-	219	210.000					-	45.990.000	-	-	-	-	-	-	45.990.000	Không điều chỉnh	
15	815/PAC T-CTGN- CT	Ông Trần Quang Trí	12	448	210,4	-	210,4	210.000					-	44.184.000	-	-	-	-	-	-	-	44.184.000	Không điều chỉnh
16	821/PAC T-CTGN- CT	Ông Trần Quang Trí	12	454	0,9	-	0,9	210.000					-	189.000	-	-	-	-	-	-	-	189.000	Không điều chỉnh
17	826/PAC T-CTGN- CT	Ông Hồ Trong Nghĩa	33	113	72,9	42,97	3.184.000	29,93	210.000				136.816.480	6.285.300	-	-	-	-	720.000	12.000.000	-	155.821.780	Không điều chỉnh
18	827/PAC T-CTGN- CT	Ông Đoàn Minh Thuận	33	115	2539,6	147,15	1.592.000	2248,32	387.000				417.884.420	870.099.840	-	-	-	-	720.000	20.000.000	-	1.308.704.260	Điều chỉnh, bổ sung diện tích đất bồi thường
						144,13	1.274.000	-															
19	828/PAC T-CTGN- CT	Ông Đoàn Minh Thuận	33	116	4581,4	-	4581,4	387.000					-	1.773.001.800	-	-	-	-	-	-	-	1.773.001.800	Không điều chỉnh
20	841/PAC T-CTGN- CT	Hồ ông Đào Huy Xứy	32	53	1922,3	-	1922,3	210.000	1922,3	210.000	150		-	403.683.000	-	-	51.725.828	605.524.500	5.040.000	20.000.000	-	1.085.973.328	Không điều chỉnh
21	842/PAC T-CTGN- CT	Ông Hoàng Văn Bình	32	66	178,6	50	1.194.000	128,6	210.000				59.700.000	27.006.000	-	-	-	-	2.880.000	8.000.000	-	97.586.000	Không điều chỉnh
Cộng					61918,3	844,25		61074,05		27101,064			1.872.080.900	10.190.135.540	1.566.999.008	379.394.043	2.041.613.324	8.470.629.503	116.640.000	232.000.000	10.000.000	24.879.492.318	